

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08/02/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Bình

2. Bà Cao Thị Ngọc Hà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận B

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 418/2021/TLST–HNST ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “***Tranh chấp ly hôn***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐST-HN ngày 28/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

*** Bị đơn:** Ông **Huỳnh L**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

ĐKTT: 48/10 L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – T trình bày:

Bà và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Cần Thơ vào ngày 25/6/2010. Hôn nhân có thời gian đầu rất hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không chia sẻ được với nhau, nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Trong suốt thời gian này, vợ chồng cũng nhiều lần nói chuyện, bàn bạc tìm cách hàn gắn nhưng đều không có kết quả, do vậy năm 2013, cả hai quyết định ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm đối với ông L không còn, mỗi người đã có cuộc sống riêng, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T xác định không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Phía bị đơn – Ông Huỳnh L trình bày tại bản tự khai:

Xác định thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày. Ông cũng xác định do không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Do vậy, nay đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông cũng đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông L cũng xác định không có.

Do bận công việc, phải đi làm xa, bà T và ông L đều có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T và ông L đã có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định của pháp luật, nên có căn cứ để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng quan điểm sống nên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Do không tìm được biện pháp hàn gắn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không còn sự quan tâm, thương yêu đến nhau. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đều thống nhất ly hôn. Do vậy có cơ sở để chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] Về con chung: Cả hai xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Thanh T** đối với ông **Huỳnh L.**

2/ Về con chung: Không có.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 004875 ngày 16/11/2020 thành án phí.

Các đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát q. B;
- Thị hành án q.B;
- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- UBND p B.

(đã ký)

Đặng Thị Huệ

